

Bán ra

Giá mục tiêu: VNĐ16,500

Tiềm năng tăng/giảm: -48.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/7/2024)	32.200
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,623-32,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	31,820
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	82,355
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,252
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,558
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	128
Slg CP NN được mua (tr.đv)	103
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	0.97%
Tỷ lệ freefloat	83.2%
Cổ đông lớn	VNPost (6.54%)

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	382,863	430,016	511,006
Dư nợ cho vay (ntđ)	275,453	319,525	370,649
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	15,625	17,353	20,400
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,572	5,665	6,497
BVPS (đồng)	13,340	15,436	17,748
EPS (đồng)	2,012	2,015	2,312
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.8	16.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	10.3	11.1	17.6
Tăng trưởng EPS (%)	25.0	0.19	14.7
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	19.2	15.4	15.3
ROAA (%)	1.57	1.39	1.38
Tỷ lệ NIM (%)	3.23	3.67	3.79
Tỷ lệ CIR (%)	36.9	36.9	35.5
Hệ số CAR (%)	12.2	12.4	11.9
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.34	1.40	1.40
LLR/nợ xấu (%)	93.8	85.1	85.1
Hệ số LDR (%)	116	116	112
P/B (lần)	2.41	2.09	1.81
P/E (lần)	16.0	16.0	13.9
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng LP là ngân hàng quy mô vừa, được thành lập vào năm 2008, tập trung cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME. Cổ đông chiến lược VNPOST đang dần thoái vốn, cổ đông mới tiếp quản và bắt đầu chuyển dịch sang hướng kinh doanh mới.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

KQKD Q2: Tăng trưởng mạnh nhưng chất lượng thấp

- LNTT Q2 của LPB đạt 3.032 tỷ đồng, tăng 244%. Theo đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2024 đạt 5.919 tỷ đồng, tăng 142% và bằng 83% dự báo của chúng tôi. Lợi nhuận tăng trưởng mạnh là nhờ thu nhập phí dịch vụ cao và thất chặt chỉ phí hoạt động & chi phí dự phòng.
- Tỷ lệ nợ xấu Q2 tăng lên 1,7% từ 1,4% trong Q1. Lãi phải thu tăng mạnh 51% so với quý trước, từ đó làm gia tăng sức ép lên chất lượng tài sản và lợi nhuận.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 60% trong 3 tháng qua, LPB đang có định giá đắt nhất trong số các NHTM tư nhân trong danh sách khuyến nghị của chúng tôi, với P/B dự phòng 1 năm là 1,93 lần (so với bình quân nhóm NHTM ở mức 1,06 lần). HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và giá mục tiêu là 16.500đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024 vào ngày 19/7/2024

LPB đã công bố BCTC Q2/2024 vào ngày 19/7/2024, với LNTT đạt 3.032 tỷ đồng, tăng 244% so với cùng kỳ. LNTT 6 tháng đầu năm 2024 tăng 142% so với cùng kỳ đạt 5.919 tỷ đồng, bằng 83% dự báo cả năm của chúng tôi. Lợi nhuận Q2 tăng trưởng ấn tượng nhờ thu nhập phí dịch vụ tăng mạnh và chi phí hoạt động & chi phí dự phòng thấp.

Tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ NIM sát với dự báo

Tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2024 của LPB đạt 15,2% và có thể đã sử dụng hết hạn mức tăng trưởng tín dụng được giao cho năm 2024. Tăng trưởng chủ yếu đến từ phân khúc DNNVV và khách hàng doanh nghiệp lớn (tăng 27,1% kể từ đầu năm) trong khi tín dụng phân khúc khách hàng cá nhân giảm 1,2% kể từ đầu năm. Trong Q2/2024, dư nợ cho vay cá nhân ghi nhận tăng trưởng 2,8% so với quý trước. Tỷ trọng các khoản vay khách hàng cá nhân ở mức 35,8%, thấp hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 45-55%. Theo ngành, tổng tín dụng ngành bán lẻ & bán buôn cùng ngành xây dựng đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng về mặt giá trị.

Trong Q2/2024, tỷ lệ NIM giảm 9 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,5%, chủ yếu do lợi suất tài sản giảm nhiều hơn chi phí huy động. Kết quả này nhìn chung sát với dự báo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024 & 6 tháng 2024, LPB

	Q2/23	Q2/24	% svck	6T2023	6T2024	% svck	% dự báo HSC
Thu nhập lãi thuần	2,450	3,645	49%	5,224	7,109	36%	49%
Thu nhập ngoài lãi	436	1,188	172%	796	2,201	177%	79%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	249	866	247%	475	1,685	254%	125%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	19	44	132%	164	192	17%	39%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	26	21	-18%	26	21	-19%	5%
Thu nhập khác	111	245	121%	99	273	174%	59%
Lợi nhuận từ các khoản góp vốn mua cổ phần	31	12	-62%	31	30	-4%	85%
Tổng thu nhập HĐ	2,886	4,833	67%	6,020	9,310	55%	54%
Chi phí HĐ	1,480	1,247	-16%	2,824	2,623	-7%	41%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	1,406	3,586	155%	3,196	6,687	109%	61%
Chi phí dự phòng	526	554	5%	750	769	3%	20%
LNTT	880	3,032	244%	2,446	5,919	142%	83%
Lợi nhuận thuần	708	2,421	242%	1,952	4,720	142%	83%

Nguồn: LPB, HSC

Nghi vấn về thu nhập dịch vụ khác

LPB đã ghi nhận thu nhập dịch vụ khác hơn 700 tỷ đồng trong quý thứ ba liên tiếp, từ đó giúp lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 254% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2024. Theo quan sát của chúng tôi, Ngân hàng gần đây không giới thiệu các dịch vụ mới đáng chú ý nào để đóng góp vào mức tăng mạnh mẽ này. Tỷ lệ hiệu quả thu nhập dịch vụ của LPB (lãi thuần HĐ dịch vụ/tổng dư nợ tín dụng) ở mức 1,2%, cao hơn so với các NHTM tư nhân hàng đầu như ACB và MBB (dao động từ 0,9% đến 1,1%). Điều này gây ra những lo ngại về tính bền vững của khoản thu nhập này.

Chi phí dự phòng thấp bất chấp rủi ro về chất lượng tài sản

Trong 6 tháng đầu năm 2024, chi phí dự phòng chỉ tăng 3% so với cùng kỳ mặc dù tổng dư nợ tín dụng tăng 25,3% so với cùng kỳ và tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,7% (từ 1,3% tại thời điểm cuối năm 2023). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục giảm từ khoảng 94% tại thời điểm cuối năm 2023 xuống 77,1% trong Q2/2024. Lãi phải thu, chiếm khoảng 25,2% tổng thu nhập lãi Q2/2024, cũng cho thấy rủi ro về chất lượng tài sản. Chi phí dự phòng 6 tháng đầu năm 2024 chỉ bằng 20% dự báo cả năm và chúng tôi cho rằng Ngân hàng đang trích lập dự phòng thấp. Theo đó, HSC dự đoán LPB sẽ đẩy mạnh trích lập dự phòng trong những quý sắp tới.

Cắt giảm mạnh chi phí hoạt động

Tỷ lệ CIR cũng giảm xuống 25,8% nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng tốt và chi phí nhân công & quản lý giảm mạnh. Mặc dù số lượng nhân viên tăng 12% so với cùng kỳ, chi phí nhân công giảm 18% so với cùng kỳ. Điều này có thể do việc lựa chọn thời điểm ghi nhận chi phí trên báo cáo KQKD.

HSC duy trì khuyến nghị Bán ra; giá mục tiêu và dự báo đang được xem xét lại

Sau khi giá cổ phiếu tăng 60% trong 3 tháng qua, LPB đang có định giá cao nhất trong số các NHTM trong danh sách khuyến nghị của chúng tôi và giá có vẻ đã vượt giá trị với P/B dự phóng 1 năm là 1,93 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM ở mức 1,06 lần. Mặc dù lợi nhuận tăng trưởng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2024 và Q2/2024, HSC duy trì khuyến nghị Bán ra dựa trên quan điểm thận trọng về cả lợi nhuận và chất lượng tài sản.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	25,226	32,354	33,203	40,119	46,514
Chi phí lãi	(13,326)	(21,151)	(18,619)	(22,624)	(26,027)
Thu nhập lãi thuần	11,900	11,203	14,584	17,495	20,487
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,662	3,566	1,344	1,812	2,402
Lãi thuần HĐ KDNH	10.5	435	499	414	480
Lãi/lỗ từ mua bán CK	343	25.0	426	102	132
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	53.9	49.3	35.4	34.9	34.9
Thu nhập khác	201	347	464	542	658
Tổng thu nhập HĐ	14,170	15,625	17,353	20,400	24,194
Chi phí HĐ	(5,307)	(5,760)	(6,399)	(7,247)	(8,406)
LN trước dự phòng	8,863	9,865	10,953	13,153	15,788
Chi phí dự phòng	(3,174)	(2,826)	(3,860)	(5,032)	(6,208)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,690	7,039	7,094	8,121	9,580
Chi phí thuế TNDN	(1,179)	(1,467)	(1,429)	(1,624)	(1,916)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4,510	5,572	5,665	6,497	7,664
EPS (đồng)	1,610	2,012	2,015	2,312	2,727
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,485	2,521	2,558	2,558	2,558
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,485	2,558	2,558	2,558	2,558
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,485	2,558	2,558	2,558	2,558

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,984	2,383	2,237	3,851	4,648
Tiền gửi tại NHNN	10,324	14,578	10,992	13,247	15,990
Tiền gửi tại các TCTD khác	31,968	35,528	46,528	58,797	78,195
Chứng khoán kinh doanh	566	580	626	809	1,041
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	230,894	271,994	315,717	366,231	424,828
Tổng dư nợ cho vay	235,767	275,453	319,525	370,649	429,953
Dự phòng rủi ro	(4,873)	(3,458)	(3,809)	(4,418)	(5,125)
Chứng khoán đầu tư	42,007	46,844	44,107	56,955	73,329
CK đầu tư sẵn sàng để bán	42,007	46,844	44,107	56,955	73,329
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0.26	0.26
Đầu tư dài hạn	316	349	349	349	349
Tài sản cố định	1,693	1,950	2,053	2,115	2,178
Tài sản khác	6,993	8,656	7,408	8,653	10,034
Tổng tài sản	327,746	382,863	430,016	511,006	610,592
Nợ phải trả	303,691	348,746	390,537	465,614	558,227
Tiền gửi của NHNN	3,077	89.6	76.9	92.7	112
Tiền gửi của các TCTD khác	39,660	50,112	58,154	65,605	76,102
Tổng tiền gửi KH	215,888	237,392	274,792	331,178	399,740
Trái phiếu và CCTG	35,048	47,910	44,734	53,913	65,074
Nợ khác	9,976	13,166	12,781	14,826	17,198
Vốn chủ sở hữu	24,055	34,117	39,479	45,391	52,366
Vốn điều lệ	17,291	25,576	25,576	25,576	25,576
Thặng dư vốn cổ phần	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Lợi nhuận giữ lại	3,904	4,845	9,176	14,040	19,813
Quỹ & vốn khác của CSH	2,860	3,696	4,727	5,775	6,977
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	327,746	382,863	430,016	511,006	610,592
BVPS (đồng)	9,679	13,340	15,436	17,748	20,474

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.3	16.8	12.3	18.8	19.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	12.8	16.8	16.0	16.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	19.8	9.96	15.8	20.5	20.7
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	15.6	13.7	12.0	20.5	20.7
Tăng trưởng VCSH (%)	43.2	41.8	15.7	15.0	15.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	32.0	(5.86)	30.2	20.0	17.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	4.25	8.54	11.1	13.2	16.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	78.7	11.3	11.0	20.1	20.0
Tăng trưởng LNTT (%)	56.4	23.7	0.77	14.5	18.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	57.0	23.5	1.66	14.7	18.0
Chỉ số hiệu quả					
TN thuần/HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.59	4.40	4.27	4.34	4.31
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.72)	(1.62)	(1.57)	(1.54)	(1.50)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.3	97.6	97.8	98.0	98.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.16	1.47	1.59	1.81	2.08
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	3.99	5.16	5.47	6.54	8.04
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	20.0	16.0	16.0	13.9	11.8
P/B (lần)	3.33	2.41	2.09	1.81	1.57
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	31.8	35.7	32.6	31.8	31.7
ROAA (%)	1.46	1.57	1.39	1.38	1.37
ROAE (%)	22.1	19.2	15.4	15.3	15.7
Chi phí huy động BQ (%)	4.77	6.72	5.22	5.46	5.25
Lợi suất góp BQ (%)	8.40	9.33	8.35	8.70	8.46
Lợi suất thuần (%)	3.63	2.60	3.13	3.24	3.22
Tỷ lệ NIM (%)	3.96	3.23	3.67	3.79	3.73
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	11.7	22.8	7.75	8.88	9.93
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.0	71.7	84.0	85.8	84.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	16.0	28.3	16.0	14.2	15.3
Tỷ lệ CIR (%)	37.5	36.9	36.9	35.5	34.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.4	12.2	12.4	11.9	11.3
VCSH/Tổng TS (%)	7.34	8.91	9.18	8.88	8.58
Đòn bẩy vốn (lần)	13.6	11.2	10.9	11.3	11.7
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.45	1.34	1.40	1.40	1.40
Hệ số LLR (%)	142	93.8	85.1	85.1	85.1
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	109	116	116	112	108
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.6	14.9	15.4	14.6	14.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.9	71.9	74.3	72.5	70.4
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,129	1,079	1,035	993	953
Số lượng nhân viên	12,203	10,627	10,945	11,273	11,611

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn